

PHÂN TÍCH 20 CÂU ĐẦU BÀI THƠ VIỆT BẮC

1. Phân tích 20 câu đầu bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

Tô Hoài coi Tố Hữu xứng đáng là "Ngôi sao sáng nhất trong bầu trời thơ ca cách mạng Việt Nam thế kỷ 20". Với Nguyễn Đăng Mạnh thì Tố Hữu được mệnh danh là "Nhà thơ của lẽ sống cách mạng", "Nhà thơ của Tổ quốc Việt Nam", là "Hồn thơ dân tộc". Người đọc có thể thấy ông là một trong những nhà thơ lớn nhất, tiêu biểu nhất của nền thi ca hiện đại. "Việt Bắc" là bài thơ lục bát đỉnh cao để đời sự nghiệp của ông. 20 câu thơ đầu tiên như những câu hát thể hiện ân tình của nhà thơ một cách sâu sắc nhất.

Thật vậy, "Việt Bắc" như một cuốn biên niên sử bằng thơ. Tháng 7/1954 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoà bình được lập lại, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, một trang sử mới mở ra cho đất nước. Tháng 10/1954, cơ quan Trung ương của Đảng và Nhà nước chuyển từ căn cứ địa về thủ đô. Trong thời điểm lịch sử ấy, bài thơ "Việt Bắc" đã ra đời. "Việt Bắc" không còn là tình cảm riêng của Tố Hữu mà còn tiêu biểu cho tình cảm của người kháng chiến miền xuôi đối với chiến khu cách mạng, với đất nước, với nhân dân.

Đoạn thơ mở đầu bằng những ca từ ngọt ngào mà sâu lắng:

*"Mình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?"*

Câu thơ mở ra canh chia tay từ biệt bịn rịn giữa người dân Việt Bắc với cán bộ về xuôi. Đó là một thứ tình cảm keo sơn gắn bó đã "mười lăm năm". Đây là một khoảng thời gian dài để thắt chặt tình cảm giữa hai bên thật gắn bó làm sao? Với hình thức kết cấu hỏi đáp quen thuộc vừa giản dị lại chân thành là một hình thức rất quen thuộc trong ca dao dân ca. Nhưng ở khung cảnh chia tay bịn rịn này, dường như nhà thơ chỉ mượn hình thức ca dao để nói về nỗi lòng của mình. Người dân Việt Bắc có tâm trạng xao xuyến không biết cán bộ chiến sĩ về miền xuôi có nhớ tới họ không, nhớ tới khoảng thời gian "thiết tha mặn nồng", nhớ tới Việt Bắc với những thiên nhiên đẹp ngút ngàn. Đại từ nhân xưng "mình - ta" quen thuộc trong ca dao là ngôn từ là cách xưng hô biểu đạt hợp lý nhất tình cảm chia xa mà đã gắn bó rất lâu. Bốn câu thơ mà có tới bốn chữ mình, bốn chữ nhớ một chữ ta hòa quyện lấy nhau không tách rời như hình với bóng khiến cho đạo lý ân tình thủy chung ấy thêm son sắt đậm đà.

Tiếp theo là tiếng lòng của người ra đi hỏi đáp lại người ở lại:

*"Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân ly
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay"*

Nỗi lòng của người ở lại khiến cho người ra đi không khỏi "bâng khuâng", "bồn chồn". Họ như không muốn bước đi. Thật khó để diễn tả được tâm trạng của người trong cuộc lúc này. "Bâng khuâng" là tâm trạng chất chứa những nhớ thương bao trùm cả không gian với bao nhiêu kỉ niệm, không dừng lại một kỉ niệm nào. Còn "bồn chồn" cũng là từ chỉ tâm trạng nhớ thương, nhưng đó là tâm trạng không thể kìm nén bên trong mà biểu hiện qua bên ngoài như nét mặt bồn chồn mong đợi. Ở đây cái tâm trạng ấy lại hiện ra trong bước đi của người về xuôi thành "bồn chồn bước đi". Đoàn Thị Điểm trong "Chinh phụ ngâm khúc" cũng từng nói về cái bồn chồn ấy:

"Bước đi một bước dây dây lại dừng"

Hình ảnh "chiếc áo chàm" vừa gợi hình, gợi tả. Nó là hình ảnh hoán dụ mang nhiều tầng ý nghĩa. Áo chàm vừa chỉ người Việt Bắc, cũng như ẩn ý cả Việt Bắc đang tiễn người cách

mạng về miền xuôi. Câu thơ "Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay" đầy tính chất biểu cảm. "Biết nói gì hôm nay..." không phải là không có gì để nói. Không nói được vì xúc động nghẹn ngào không thốt được nên lời. Những lời không nói ấy có lẽ đã nằm hết trong ba chữ "Cầm tay nhau". "Cầm tay" là biểu tượng của tình yêu thương đoàn kết. "Cầm tay" là đã đủ nói lên bao cảm xúc trong lòng rồi.

Tố Hữu để cho người ở lại lên tiếng. Chỉ có 12 câu nhưng đều xoáy vào những kỷ niệm của những ngày cách mạng rất gian nan nhưng sâu nặng nghĩa tình:

*"Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù?
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?
Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
Mình về, còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa"*

Đó là những kỉ niệm mà mỗi người không thể nào quên được. "Miếng cơm chấm muối" là hình ảnh chân thực rút ra từ thực tế cuộc sống khó khăn nghèo nàn thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy nhiên, sống trong hoàn cảnh thiếu thốn ấy nhưng mối thù nước nhà vẫn không bao giờ dập tắt. Hai hình ảnh ấy đối xứng đặt cùng một câu thơ tạo nên một mối tình đoàn kết gắn bó để chiến thắng quân thù. Người ở lại tiếp tục kể cho người ra đi, nhắc nhở họ về những năm tháng "trám bùi để rụng", "măng mai để già". Với thủ pháp đối lập "hắt hiu lau xám" với "đậm đà lòng son" diễn tả sâu sắc nỗi nhớ của người ở lại. Người ở lại kể về cuộc kháng chiến thuở Việt Minh đã cùng nhau chiến đấu. Và các địa danh gắn liền với Việt Bắc là không thể thiếu được. Tố Hữu đã nhắc về những địa danh lịch sử nổi tiếng ở Việt Bắc với những sự kiện quan trọng gắn liền với nó. Cây đa Tân Trào là nơi đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân làm lễ xuất phát còn mái đình Hồng Thái nơi Bác Hồ chủ trì cuộc họp quyết định làm cuộc cách mạng tháng tám. Tố Hữu đã đặt hai địa danh này ở cùng một câu thơ nhấn mạnh tầm quan trọng cũng như ý nghĩa lịch sử của nó. Trong một đoạn thơ ngắn mà đã có đến 8 chữ "mình" và 7 chữ "nhớ", trong đó có câu thơ 3 chữ "mình" luyến láy và chuyển nghĩa rất tài tình khi nhắc đến những địa danh cách mạng từ nay đã đi vào lịch sử lại càng thể hiện tình nghĩa sâu nặng của người ở lại kể với người ra đi.

Tóm lại, chỉ với 20 câu thơ đầu, Tố Hữu đã khắc họa được cuộc nói chuyện tâm tình thủ thi bằng hình thức đối đáp quen thuộc trong ca dao giữa người dân Việt Bắc với người cách mạng về xuôi. Với 20 câu thơ ấy, những kỉ niệm đẹp giữa họ hiện lên vừa cụ thể, chân thực lại giàu tình cảm. Giọng thơ tâm tình thủ thi như nhắc nhở, níu kéo, như tâm sự giải bày. "Việt Bắc" xứng đáng là bài thơ đỉnh cao để đời sự nghiệp thơ ca của ông.

Bình giảng 20 dòng đầu bài thơ Việt Bắc

Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn nhất, tiêu biểu nhất của nền thi ca hiện đại. "Ngon cò đầu của thơ ca cách mạng, nhà thơ của lý tưởng cộng sản". Tập thơ "Việt Bắc", là đỉnh cao của thơ Tố Hữu đồng thời cũng là thành tựu hàng đầu của thơ ca kháng chiến chống Pháp, trong đó bài thơ "Việt Bắc" được coi là kết tinh sở trờng nghệ thuật của ngòi bút Tố Hữu.

Đó là khúc hát ân tình của ngời kháng chiến đối với quê hương, đất nước với nhân dân cách mạng được thể hiện bằng một nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại mà cốt lõi là truyền thống ân nghĩa đạo lý thủy chung của dân tộc.

Được coi là người sinh ra để thơ hoá những vấn đề chính trị, thơ Tố Hữu luôn bám sát các sự kiện cách mạng. Men theo năm tháng những bài thơ của Tố Hữu, ta có thể tái hiện lại những chặng đường hào hùng của cách mạng Việt Nam. Thơ ông quả là "cuốn biên niên sử bằng thơ" như có nhà nghiên cứu đã đánh giá. "Việt Bắc" không phải là ngoại lệ. Tháng 7/1954 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoà bình được lập lại, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, một trang sử mới mở ra cho đất nước. Tháng 10/1954, cơ quan Trung ương của Đảng và Nhà nước chuyển từ căn cứ địa về thủ đô. Trong thời điểm lịch sử ấy, bài thơ "Việt Bắc" đã ra đời. "Việt Bắc" không còn là tình cảm riêng của Tố Hữu mà còn tiêu biểu cho tình cảm của người kháng chiến miền xuôi đối với chiến khu cách mạng, với đất nước, với nhân dân. Một sự kiện chính trị đã chuyển hoá thành thơ ca theo cách "Tâm tình hoá, là một đặc trưng của lối thơ trữ tình chính trị Tố Hữu. 20 câu thơ đầu tiên của "Việt Bắc" thể hiện rất rõ đặc trưng nghệ thuật này.

Đoạn thơ mở đầu bằng những câu thơ ngọt ngào:

*Mình về mình có nhớ ta
Mười năm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

Câu thơ mở ra cảnh già biệt, một hoàn cảnh đặc biệt để bộc lộ cảm xúc trữ tình dạt dào. Cảnh già biệt vẫn quen thuộc trong thơ ca dân gian và cổ điển truyền thống đã được Tố Hữu khéo vận dụng để diễn tả tâm trạng mang tính thời đại. Cuộc chia tay lớn của cán bộ Đảng, Chính phủ với Việt Bắc được thu vào cuộc chia tay của một đôi trai gái: người ở lại rừng núi chiến khu là cô gái Việt Bắc, người về xuôi là anh cán bộ cách mạng. Chuyện chung đã hoá thành chuyện riêng, chuyện cách mạng của dân nước trở thành chuyện tình yêu của lứa đôi, cuộc chia tay đầy bịn rịn lưu luyến giữa những người đã từng gắn bó sâu nặng dài lâu:

"Mười lăm năm" "thiết tha mặn nồng" được Tố Hữu thể hiện bằng một thể thơ giàu tính dân tộc. Thể lục bát, cách kết cấu đối đáp, sử dụng đại từ nhân xưng "Mình", "Ta" quen thuộc trong thơ ca dân gian, có khả năng "biểu hiện một cách thuận tiện, phù hợp với điệu hồn chung của cộng đồng người Việt" "Rung lên cái sợi tơ lòng chung của những tấm lòng Việt". Tất cả những yếu tố đó đã diễn tả thật xúc động tình cảm quyến luyến thiết tha trong một cuộc chia tay đặc biệt: chưa xa đã nhớ, để chia mà không xa, cách mà không biệt. "Mình về mình có nhớ ta" đã là chuyện chung thủy, riêng tư. Nhưng đến:

*"Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn"*

thì không còn là chuyện của tình yêu lứa đôi mà đã là chuyện ân nghĩa thủy chung của đạo lý dân tộc. Câu thơ lục bát điệp hai lần từ "mình" nghe như lối tâm tình thương mến mà day dứt. Bản khoảnh lớn nhất của ta và mình trong cuộc chia tay là ân tình thủy chung. Cái độc đáo ở chỗ: một câu hỏi về thời gian, một câu hỏi về không gian. Chỉ một khổ thơ đã gói gọn một thời cách mạng, một trời cách mạng. Tác giả đã chọn tình yêu một đôi trai gái làm một góc nhìn để bao quát toàn cảnh Việt Bắc với "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" Từ thuở cách mạng còn trứng nước đến khi trưởng thành vững vàng đó là điểm nhìn nghệ thuật rất Tố Hữu- người thi sĩ luôn khơi nguồn cảm hứng từ những sự kiện lớn của cách mạng.

Tiếp theo câu hỏi của người ở là tiếng lòng của người đi:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*

Người đi đã nghe câu hỏi, lòng tràn đầy bâng khuâng "bồn chồn" một tình cảm thương nhớ "thiết tha". Tâm trạng lúc chia tay được diễn tả thật đắt qua sự luyến láy của ngôn từ và cả ở nhạc điệu của câu thơ: Hai câu đầu là nhịp 2/2 hồi hoàn của lục bát đến đây đã vận mình chuyển điệu 3/3:

*"Áo chàm đưa/ buổi phân ly
Cầm tay nhau/ biết nói gì / hôm nay"*

Cái xao xuyến bồi hồi của lòng người đã còn cào cào nổi sóng trên câu thơ thể hiện cách thần tình chút ngập ngừng chứa chan tình thương mến, tạo ra một khoảng lặng đầy biểu cảm để chuỗi câu hỏi tiếp theo vang lên dồn dập, tha thiết hơn.

Mười hai câu lục bát còn lại là lời của người ở, cấu tạo bằng sáu câu hỏi như khơi sâu vào kỷ niệm. Mỗi câu hỏi đều gọi lại những gì tiêu biểu nhất của Việt Bắc qua những hình ảnh chọn lọc gợi cảm: Mưa nguồn, suối lũ, mây mù, Những hình ảnh chọn lọc vừa chân thực vừa thơ mộng; "Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son" Những câu thơ có khả năng diễn biến những khái niệm trừu tượng thành hình ảnh đầy cảm giác sống động cụ thể "mối thù nặng vai". Nghệ thuật nhân hoá cũng tạo nên sự sống động cho hình ảnh thơ:

*"Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già"*

Tình cảm của người ở đối với người đi xem ra được thể hiện sâu kín hơn cả trong câu thơ này, chỉ 14 chữ mà chứa đựng biết bao quyến luyến nhớ thương: Người đi rồi cả một miền rừng trở nên hoang vắng, trám không người nhặt, măng không ai hái, cả núi rừng cũng mong nhớ đến thần thờ. Như một thông lệ trong cuộc chia tay giữa những người thân thiết, người ta thường đẩy thời gian về quá khứ để chưa xa đã nhớ, chưa biệt đã thương. Để trên nền xúc cảm này, dòng hồi tưởng những kỉ niệm thân thương ủa về mãnh liệt.

*"Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa"*

Nhìn thoáng qua, tổ chức các câu thơ đều lặp lại ở phép láy đầu 6 câu: Mình đi, mình về. "Đi", "Về" vốn ngược chiều trái hướng, song ở đây lại đồng nhất một phương.

Phải chăng niềm tin giản dị mà rất thực của cả người đi và người ở đã thổi vào câu chữ, làm nên chút choáng ngợp bối rối của ngôn từ, thể hiện mạch ngầm văn bản trong chiều sâu thơ ca: Ra đi để hẹn về. Việt Bắc đã trở thành quê hương thứ hai của người cán bộ kháng chiến.

Những kỷ niệm được gọi nhớ đều là những kỷ niệm của cuộc sống chung, tình cán bộ với nhân dân chia ngọt sẻ bùi, chung gian lao, chung mối thù. Nếu không khéo rất dễ sa vào cái gọi là "liệt kê kỉ niệm" câu thơ sẽ trôi tuột đi, không thể lưu đọng lại trong lòng người đọc. Cái làm nên chất thơ của bài "Việt Bắc" cũng như của đoạn thơ này chính là nhạc điệu. Chính nhạc điệu đã làm cho các kỷ niệm trở nên ngân nga, trầm bổng réo rắt, thấm sâu vào tâm tư. Những yếu tố làm nên chất nhạc kỳ diệu ấy không chỉ ở những câu lục bát rất chuẩn về thanh luật mà còn ở nghệ thuật tiểu đối được sử dụng với tần số cao trong các câu thơ. Nó không chỉ có khả năng biểu đạt rất xúc động nổi lòng sâu kín bồi hồi của người đi kẻ ở, mà còn tạo ra sự tương xứng về cấu trúc, về đẹp nhịp nhàng của ngôn từ.

*Mưa nguồn suối lũ / những mây cùng mù
Miếng cơm / mối thù
Trám / măng
Hắt / son
Nhớ / mình
Tân / đa*

Những hình ảnh thơ đã thực sự cất lên chất thơ nhờ nhạc điệu đầy quyến luyến, trầm bổng, ngân nga qua những câu thơ sóng đôi lối đối xứng tiểu đối, nó mang vẻ đẹp cổ điển uyên bác. Đặc biệt câu hỏi cuối đoạn thơ có thể tách riêng ra bởi sự thâm thúy, hàm súc:

*"Mình đi mình có nhớ mình
Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa"*

Đại từ "mình", "ta" vốn được sử dụng trong đối đáp thơ ca dân gian nay được Tố Hữu sử dụng đầy biến ảo: Khi mình là Ta, khi "ta" là "mình", cái ngầm ý hai ta là một đã rõ. Nhưng ở đây một câu lục mà tới ba lần lặp lại chữ mình: "Mình đi, mình có" là chỉ người về, "nhớ

mình" là chỉ người ở. Câu hỏi đầy ý nhị mà sâu kín: Mình quên "ta" cũng là quên chính "mình" đó. Cũng như ở phần sau, Tố Hữu lại nhấn theo lối bồi thần trong câu thơ trả lời khẳng định sắt son.

"Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu"

Nhà thơ đã khai thác rất đắt chữ "Mình" trong tiếng Việt. "Mình" vừa là bản thân vừa là ta, "Mình" cũng là người thân thiết có thể xem như chính mình vậy. Đại từ nhân xưng được sử dụng vừa thống nhất vừa biến hoá khiến "Việt Bắc" cất lên như tiếng lòng đồng vọng bản hoà âm tâm hồn của kẻ ở người đi.

Sự đổi chỗ trong tổ chức câu thơ: "Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào" được viết thành: "Tân trào Hồng Thái mái đình cây đa" chứng tỏ tên riêng và danh từ chung đều đã đồng nhất hoàn toàn về ý nghĩa -Việt Bắc quê hương cách mạng. Nỗi nhớ về chiến khu Việt Bắc "Tân Trào, Hồng Thái", đã chuyển hoá thành nỗi nhớ quê hương "Mái đình cây đa" những hình ảnh đã đi vào tâm thức người Việt từ ngàn đời. "Trong thơ Tố Hữu, cái riêng, cái chung như không còn ranh giới, cái cũ cái mới lồng vào nhau, (Nguyễn Văn Hạnh) mà đây là một trường hợp điển hình.

"Việt Bắc" là bài ca tâm tình, ngọt ngào đậm thắm rất tiêu biểu cho hồn thơ, cho phong cách thơ của Tố Hữu. Vẫn là tiếng nói của tình cảm tình yêu nhưng là tình yêu đối với quê hương đất nước, đối với cách mạng đối với nhân dân.

Trong câu chuyện với một nhà nghiên cứu văn học người Pháp Tố Hữu tâm sự rằng:

"mình phải lòng đất nước và nhân dân của mình. Và đã nói về đất nước về nhân dân như nói về người mình yêu". Cho nên tình yêu biến thành tình nghĩa "Việt Bắc" đã trở thành tiếng hát ân tình chung của những người kháng chiến, của cả dân tộc trong một thời điểm lịch sử đáng ghi nhớ.

2. Cảm nhận 20 câu đầu bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

"Việt Bắc" là bài thơ lục bát dài 150 câu thơ của Tố Hữu được sáng tác vào tháng 10 năm 1954, ngày thủ đô Hà Nội được hoàn toàn giải phóng.

“Việt Bắc” là bản hùng ca và tình ca của cách mạng và kháng chiến. Đoạn thơ sau đây dài 20 câu thơ nằm trong phần đầu bài “Việt Bắc”:

Mình về mình có nhớ ta

...

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.

Đoạn thơ ghi lại tình cảm của ta khi đưa tiễn mình: mình đi... mình về... Có thể hiểu ta là cô gái Việt Bắc, là đồng bào của dân tộc Việt Bắc; mình là người cán bộ kháng chiến, là anh bộ đội Cụ Hồ. Chũ ta được vây bọc, được quán quýt trong vòng tay yêu thương của mười hai chũ mình.

Bốn câu thơ mở bài cất lên nghe tha thiết bồi hồi; cảm xúc được nén lại trong lòng bỗng ứa dậy và trào lên. Ta hỏi mình, hay ta đang hỏi lòng ta trong buổi phân li ấy:

Mình về mình có nhớ ta

Mình lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Tình nghĩa giữa ta với mình không phải là ngày một ngày hai mà đã giao hòa gắn kết “thiết tha, mặn nồng” trong suốt mười lăm năm trời, kể từ ngày khởi nghĩa Bắc Sơn (1940) đến ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng (tháng 10 – 1954). Cây, núi, sông, nguồn Việt Bắc “mình có nhớ không?”. Câu hỏi tu từ mở ra một trời thương nhớ.

Tố Hữu đã học tập và vận dụng sáng tạo ca dao dân ca, gợi nhớ trong lòng người đọc hai tiếng mình, ta trong những bài hát giao duyên của trai gái làng quê thuở nào: “Mình về có nhớ ta chăng – Ta về ta nhớ hàm răng mình cười”. Chất trữ tình đậm thắm ấy đã tạo nên một nét đẹp trong đoạn thơ, cũng như cả bài thơ.

Bốn câu thơ tiếp theo gợi tả không gian, thời gian và tâm trạng nghệ thuật của người ra đi, của kẻ ở lại. Tiếng hát tha thiết của ai cất lên bên cồn, nơi mé rừng, nơi bờ suối? Hình ảnh hoán dụ “áo chàm” làm nổi bật đối tượng đưa tiễn và màu sắc Việt Bắc. “Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi... Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...” gợi lên nhiều thương nhớ rưng rưng. Các từ láy: “tha thiết, bâng khuâng, bồn chồn” là tâm trạng của mình, của ta:

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

Mười hai câu thơ tiếp theo, các cặp từ ngữ: “mình đi” và “mình về” được giao hoán đến ba lần đầy ấn tượng. Điệp ngữ “có nhớ” được láy lại đến năm lần, chốt lại ở các câu lục, tạo nên cảm xúc bâng khuâng, bồn chồn, tha thiết:

Mình đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

Những gian khổ, thiếu thốn, khó khăn khi cách mạng còn trứng nước, những ngày Bác Hồ mới về nước “nhóm lửa” tại Pắc Bó, Cao Bằng. “Mưa nguồn suối lũ những mây cùng mù” nơi chiến khu giữa vòng vây của giặc Pháp, giặc Nhật đã trở thành kỉ niệm sâu sắc trong lòng kẻ ở người về. “Miếng cơm chấm muối” thuở ấy đã làm cho tình đồng chí, tình đồng đội, tình quân dân thêm sắt son bền chặt, đã soi sáng lí tưởng chiến đấu cứu nước, cứu nhà, đã làm cho mối thù đế quốc thêm “nặng vai” khắc sâu vào xương tủy:

Mày sẽ chết! Thằng giặc Pháp hung tàn

Băm xương thịt mày, tao mới hả.

(Dọn về làng – Nông Quốc Chấn)

Mình về xuôi, mình đi xa để lại bao nhớ thương cho ta, cho người ở lại, cho cảnh vật cỏ cây, núi rừng chiến khu. Rừng núi, trám bụi, măng mai được nhân hoá, mang theo bao nỗi nhớ, bao nỗi buồn thương. Cảnh vật như hoà lệ, Các chữ “rụng”, chữ “già” gọi lên nhiều bơ vơ, man mác, băng khuâng:

Mình về, rừng núi nhớ ai

Trám bụi để rụng, măng mai để già.

Làm sao có thể quên được nghĩa tình Việt Bắc trong những tháng ngày gian lao và anh dũng ấy:

Mình đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Tố Hữu đã sáng tạo nên những hình ảnh tượng trưng, tương phản (lau xám / lòng son) để ca ngợi đồng bào các dân tộc Việt Bắc. Tuy nghèo khó, thiếu thốn nhưng tình yêu nước, tình cách mạng vẫn thuỷ chung son sắt, vẫn đậm đà. Đây là những vần thơ đẹp nhất, cảm động nhất nói về nỗi nhớ, lòng biết ơn và lòng tự hào đối với Việt Bắc.

Việt Bắc là “đầu nguồn”, là “cái nôi” của cách mạng và kháng chiến, là căn cứ địa của Việt Minh thời kháng Nhật, là Tân Trào, nơi Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân làm lễ xuất kích (tháng 12-1944), là mái đình Hồng Thái, nơi họp Quốc dân đại hội (tháng 8-1945). Việt Bắc là chiến khu bất khả xâm phạm, là thủ đô gió ngàn: “Núi giăng thành lũy sắt dày – Rừng che bộ đội, rừng vây quân”, nên có bao giờ có thể quên:

Mình về, có nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Mình đi, mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa.

Những địa danh lịch sử, núi non, mái đình, cây đa... đã trở thành kỉ niệm sâu sắc trong lòng kẻ ở, người về đối với Việt Bắc:

Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa

Một nét đặc sắc của đoạn thơ là tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật đối xứng rất tài tình. Các câu bát được tạo thành hai vế đối nhau (tiểu đối) làm cho ngôn ngữ thơ hài hòa, mang vẻ đẹp cổ điển:

Nhìn cây nhớ núi, // nhìn sông nhớ nguồn?

Bâng khuâng trong dạ, // bồn chồn bước đi

Mưa nguồn suối lũ, // những mây cùng mù

Miếng cơm chấm muối, // mối thù nặng vai?

Trám bùi để rụng, // măng mai để già

Hắt hiu lau xám, // đậm đà lòng son

Nhớ khi kháng Nhật, // thuở còn Việt Minh

Tân Trào, Hồng Thái, // mái đình, cây đa.

Đoạn thơ trên đây cũng như cả bài thơ, có trường hợp chữ mình xuất hiện đến ba lần trong một câu thơ. Thật không dễ phân biệt rạch ròi chủ thể chữ tình trong ba chữ mình đó. Phải chăng mình cũng là ta, ta cũng là mình, hai tâm hồn đã nương tựa vào nhau:

- *Mình đi, mình có nhớ mình*

- *Mình đi, mình lại nhớ mình.*

"Việt Bắc" là đỉnh cao của thơ Tố Hữu, cũng là thành tựu đặc sắc của thơ ca kháng chiến. Đoạn thơ trên đây tiêu biểu cho vẻ đẹp đặc sắc đó.

Ngôn ngữ thơ vừa thấm đẫm trữ tình ca dao, dân ca, vừa mang vẻ đẹp của thi ca cổ điển dân tộc. Tình nghĩa thủy chung của ta với mình, lòng biết ơn, niềm tự hào đối với chiến khu Việt Bắc và đồng bào các dân tộc Việt Bắc đã tạo nên tính nhân dân sâu sắc của bài thơ.

Sau hơn nửa thế kỉ, đọc "Việt Bắc" của Tố Hữu, ta càng xúc động, bồi hồi về điệp ngữ "có nhớ". "Việt Bắc" là bài ca tình nghĩa thủy chung. Bài ca ấy, bài học ấy cho tuổi trẻ chúng ta thời đổi mới ngày nay niềm tin yêu và sức mạnh để bước vào đời và biết sống đẹp.

3. Bình giảng 20 dòng đầu bài thơ Việt Bắc

Tố Hữu là một trong những nhà thơ lớn nhất, tiêu biểu nhất của nền thi ca hiện đại. "Ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng, nhà thơ của lý tưởng cộng sản". Tập thơ "Việt Bắc", là đỉnh cao của thơ Tố Hữu đồng thời cũng là thành tựu hàng đầu của thơ ca kháng chiến chống

Pháp, trong đó bài thơ "Việt Bắc" được coi là kết tinh sở trờng nghệ thuật của ngòi bút Tố Hữu.

Đó là khúc hát ân tình của ngòi kháng chiến đối với quê hương, đất nước với nhân dân cách mạng được thể hiện bằng một nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại mà cốt lõi là truyền thống ân nghĩa đạo lý thủy chung của dân tộc.

Được coi là người sinh ra để thơ hoá những vấn đề chính trị, thơ Tố Hữu luôn bám sát các sự kiện cách mạng. Men theo năm tháng những bài thơ của Tố Hữu, ta có thể tái hiện lại những chặng đường hào hùng của cách mạng Việt Nam. Thơ ông quả là "cuốn biên niên sử bằng thơ" như có nhà nghiên cứu đã đánh giá. "Việt Bắc" không phải là ngoại lệ.

Tháng 7/1954 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi hoà bình được lập lại, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, một trang sử mới mở ra cho đất nước. Tháng 10/1954, cơ quan Trung ương của Đảng và Nhà nước chuyển từ căn cứ địa về thủ đô. Trong thời điểm lịch sử ấy, bài thơ "Việt Bắc" đã ra đời. "Việt Bắc" không còn là tình cảm riêng của Tố Hữu mà còn tiêu biểu cho tình cảm của người kháng chiến miền xuôi đối với chiến khu cách mạng, với đất nước, với nhân dân. Một sự kiện chính trị đã chuyển hoá thành thơ ca theo cách "Tâm tình hoá, là một đặc trng của lối thơ trữ tình chính trị Tố Hữu. 20 câu thơ đầu tiên của "Việt Bắc" thể hiện rất rõ đặc trưng nghệ thuật này.

Đoạn thơ mở đầu bằng những câu thơ ngọt ngào:

*Mình về mình có nhớ ta
Mười năm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

Câu thơ mở ra cảnh giã biệt, một hoàn cảnh đặc biệt để bộc lộ cảm xúc trữ tình dạt dào. Cảnh giã biệt vẫn quen thuộc trong thơ ca dân gian và cổ điển truyền thống đã được Tố Hữu khéo vận dụng để diễn tả tâm trạng mang tính thời đại. Cuộc chia tay lớn của cán bộ Đảng, Chính phủ với Việt Bắc được thu vào cuộc chia tay của một đôi trai gái: người ở lại rừng núi chiến khu là cô gái Việt Bắc, người về xuôi là anh cán bộ cách mạng. Chuyện chung đã hoá thành chuyện riêng, chuyện cách mạng của dân nước trở thành chuyện tình yêu của lứa đôi, cuộc chia tay đầy bịn rịn lưu luyến giữa những người đã từng gắn bó sâu nặng dài lâu:

"Mười lăm năm" "thiết tha mặn nồng" được Tố Hữu thể hiện bằng một thể thơ giàu tính dân tộc. Thể lục bát, cách kết cấu đối đáp, sử dụng đại từ nhân xưng "Mình", "Ta" quen thuộc trong thơ ca dân gian, có khả năng "biểu hiện một cách thuận tiện, phù hợp với điệu hồn chung của cộng đồng người Việt" "Rung lên cái sợi tơ lòng chung của những tấm lòng Việt". Tất cả những yếu tố đó đã diễn tả thật xúc động tình cảm quyến luyến thiết tha trong một cuộc chia tay đặc biệt: chưa xa đã nhớ, để chia mà không xa, cách mà không biệt.

"Mình về mình có nhớ ta" đã là chuyện chung thủy, riêng tư. Nhưng đến:

*"Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn"*

thì không còn là chuyện của tình yêu lứa đôi mà đã là chuyện ân nghĩa thủy chung của đạo lý dân tộc. Câu thơ lục bát điệp hai lần từ "mình" nghe như lối tâm tình thương mến mà day dứt. Bản khoảnh lớn nhất của ta và mình trong cuộc chia tay là ân tình thủy chung. Cái độc đáo ở chỗ: một câu hỏi về thời gian, một câu hỏi về không gian. Chỉ một khổ thơ đã gói gọn một thời cách mạng, một trời cách mạng. Tác giả đã chọn tình yêu một đôi trai gái làm một góc nhìn để bao quát toàn cảnh Việt Bắc với "Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng" Từ thuở cách mạng còn trứng nước đến khi trưởng thành vững vàng đó là điểm nhìn nghệ thuật rất Tố Hữu- người thi sĩ luôn khơi nguồn cảm hứng từ những sự kiện lớn của cách mạng.

Tiếp theo câu hỏi của người ở là tiếng lòng của người đi:

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*

Người đi đã nghe câu hỏi, lòng tràn đầy băng khuâng "bồn chồn" một tình cảm thương nhớ "thiết tha". Tâm trạng lúc chia tay được diễn tả thật đắt qua sự luyến láy của ngôn từ và cả ở nhạc điệu của câu thơ: Hai câu đầu là nhịp 2/2 hồi hoàn của lục bát đến đây đã vận mình chuyển điệu 3/3:

*"Áo chàm đưa/ buổi phân ly
Cầm tay nhau/ biết nói gì / hôm nay"*

Cái xao xuyến bồi hồi của lòng người đã cồn cào nổi sóng trên câu thơ thể hiện cách thần tình chút ngập ngừng chứa chan tình thương mến, tạo ra một khoảng lặng đầy biểu cảm để chuỗi câu hỏi tiếp theo vang lên dồn dập, tha thiết hơn.

Mười hai câu lục bát còn lại là lời của người ở, cấu tạo bằng sáu câu hỏi như khơi sâu vào kỷ niệm. Mỗi câu hỏi đều gọi lại những gì tiêu biểu nhất của Việt Bắc qua những hình ảnh chọn lọc gợi cảm: Mưa nguồn, suối lũ, mây mù, Những hình ảnh chọn lọc vừa chân thực vừa thơ mộng; "Hắt hiu lau xám đậm đà lòng son" Những câu thơ có khả năng diễn biến những khái niệm trừu tượng thành hình ảnh đầy cảm giác sống động cụ thể "mỗi thù nặng vai". Nghệ thuật nhân hoá cũng tạo nên sự sống động cho hình ảnh thơ:

*"Minh về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già"*

Tình cảm của người ở đối với người đi xem ra được thể hiện sâu kín hơn cả trong câu thơ này, chỉ 14 chữ mà chứa đựng biết bao quyến luyến nhớ thương: Người đi rời cả một miền rừng trở nên hoang vắng, trám không người nhặt, măng không ai hái, cả núi rừng cũng mong nhớ đến thần thờ. Như một thông lệ trong cuộc chia tay giữa những người thân thiết, người ta thường đẩy thời gian về quá khứ để chưa xa đã nhớ, chưa biệt đã thương. Để trên nền xúc cảm này, dòng hồi tưởng những kỷ niệm thân thương ủa về mãnh liệt.

*"Minh đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa"*

Nhìn thoáng qua, tổ chức các câu thơ đều lặp lại ở phép luyến láy đầu 6 câu: Minh đi, mình về. "Đi", "Về" vốn ngược chiều trái hướng, song ở đây lại đồng nhất một phương.

Phải chăng niềm tin giản dị mà rất thực của cả người đi và người ở đã thối vào câu chữ, làm nên chút choáng ngợp bối rối của ngôn từ, thể hiện mạch ngầm văn bản trong chiều sâu thơ ca: Ra đi để hẹn về. Việt Bắc đã trở thành quê hương thứ hai của người cán bộ kháng chiến. Những kỷ niệm được gọi nhớ đều là những kỷ niệm của cuộc sống chung, tình cán bộ với nhân dân chia ngọt sẻ bùi, chung gian lao, chung mối thù Nếu không khéo rất dễ sa vào cái gọi là "liệt kê kỷ niệm" câu thơ sẽ trôi tuột đi, không thể lưu đọng lại trong lòng người đọc. Cái làm nên chất thơ của bài "Việt Bắc" cũng như của đoạn thơ này chính là nhạc điệu. Chính nhạc điệu đã làm cho các kỷ niệm trở nên ngân nga, trầm bổng réo rắt, thấm sâu vào tâm tư. Những yếu tố làm nên chất nhạc kỳ diệu ấy không chỉ ở những câu lục bát rất chuẩn về thanh luật mà còn ở nghệ thuật tiểu đối được sử dụng với tần số cao trong các câu thơ. Nó không chỉ có khả năng biểu đạt rất xúc động nổi lòng sâu kín bồi hồi của người đi kẻ ở, mà còn tạo ra sự tương xứng về cấu trúc, về đẹp nhịp nhàng của ngôn từ.

*Mưa nguồn suối lũ / những mây cùng mù
Miếng cơm / mối thù
Trám / măng
Hắt / son
Nhớ / mình
Tân / đa*

Những hình ảnh thơ đã thực sự cất lên chất thơ nhờ nhạc điệu đầy quyến luyến, trầm bổng, ngân nga qua những câu thơ sóng đôi lối đối xứng tiểu đối, nó mang vẻ đẹp cổ điển uyên bác. Đặc biệt câu hỏi cuối đoạn thơ có thể tách riêng ra bởi sự thâm thúy, hàm súc:

*"Minh đi mình có nhớ mình
Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa"*

Đại từ "mình", "ta" vốn được sử dụng trong đối đáp thơ ca dân gian nay được Tố Hữu sử dụng đầy biến ảo: Khi mình là Ta, khi "ta" là "mình", cái ngầm ý hai ta là một đã rõ. Nhưng ở đây một câu lục mà tới ba lần lặp lại chữ mình: "Mình đi, mình có" là chỉ người về, "nhớ mình" là chỉ người ở. Câu hỏi đầy ý nhị mà sâu kín: Mình quên "ta" cũng là quên chính "mình" đó. Cũng như ở phần sau, Tố Hữu lại nhấn theo lối bồi thần trong câu thơ trả lời khẳng định sắt son.

"Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu"

Nhà thơ đã khai thác rất đắt chữ "Mình" trong tiếng Việt. "Mình" vừa là bản thân vừa là ta, "Mình" cũng là người thân thiết có thể xem như chính mình vậy. Đại từ nhân xưng được sử dụng vừa thống nhất vừa biến hoá khiến "Việt Bắc" cất lên như tiếng lòng đồng vọng bản hoà âm tâm hồn của kẻ ở người đi.

Sự đổi chỗ trong tổ chức câu thơ: "Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào" được viết thành: "Tân trào Hồng Thái mái đình cây đa" chứng tỏ tên riêng và danh từ chung đều đã đồng nhất hoàn toàn về ý nghĩa -Việt Bắc quê hương cách mạng. Nổi nhớ về chiến khu Việt Bắc "Tân Trào, Hồng Thái", đã chuyển hoá thành nổi nhớ quê hương "Mái đình cây đa" những hình ảnh đã đi vào tâm thức người Việt từ ngàn đời. "Trong thơ Tố Hữu, cái riêng, cái chung như không còn ranh giới, cái cũ cái mới lồng vào nhau, (Nguyễn Văn Hạnh) mà đây là một trường hợp điển hình.

"Việt Bắc" là bài ca tâm tình, ngọt ngào đậm thắm rất tiêu biểu cho hồn thơ, cho phong cách thơ của Tố Hữu. Vẫn là tiếng nói của tình cảm tình yêu nhưng là tình yêu đối với quê hương đất nước, đối với cách mạng đối với nhân dân.

Trong câu chuyện với một nhà nghiên cứu văn học người Pháp Tố Hữu tâm sự rằng: "mình phải lòng đất nước và nhân dân của mình. Và đã nói về đất nước về nhân dân như nói về người mình yêu". Cho nên tình yêu biến thành tình nghĩa "Việt Bắc" đã trở thành tiếng hát ân tình chung của những người kháng chiến, của cả dân tộc trong một thời điểm lịch sử đáng ghi nhớ.